



Số: 00157/2026/PKQ(KT/2602.002)

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Khách hàng:** Công ty TNHH Minebea AccessSolutions Việt Nam  
**Địa chỉ:** KCN Đồng Văn II, phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình  
**Địa điểm quan trắc:** KCN Đồng Văn II, phường Duy Hà, tỉnh Ninh Bình

Tên mẫu	Khí thải ống thoát khí xưởng mạ (KT1)
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	02/02/2026
Thời gian thử nghiệm	02/02/2026 – 27/02/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19: 2009/ BTNMT
					Cột B Cmax
1	Nhiệt độ <sup>(b)</sup>	°C	HDPP/HT/KT/06	20	-
2	Bụi tổng <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	<3,0	160
3	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn <sup>(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 29	0,099	24
4	Axit clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 26A	KPH	40
5	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , tính theo SO <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 8	KPH	40

### Ghi chú:

- QCVN 19: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp.

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v. \quad (K_p=1, K_v=0,8)$$

- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- <sup>(b)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 087;
- KPH: Không phát hiện.
- Dấu (-): là không quy định;
- Chỉ tiêu số 4 và số 5 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện phân tích.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Văn Nam

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Thanh Bình

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Phạm Huy Đông

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03794/2026/PKQ.26.2151

### I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty TNHH Minebea AccessSolutions Việt Nam
Địa chỉ	Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Hà, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Loại mẫu	Nước thải
Thông tin mẫu gửi	NT.01: Nước thải đầu ra sau xử lý chung của Công ty
Ngày nhận mẫu	29/04/2026- Mẫu do khách hàng gửi đến
Ngày phân tích	29/04/2026 đến 12/05/2026
Ngày trả kết quả	12/05/2026

### II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.01	
1	pH <sup>(*)</sup>	-	SMEWW 4500H <sup>+</sup> :2023	6,31	5,5 ÷ 9
2	Độ màu <sup>(*)</sup>	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	KPH (MDL=3)	150
3	TSS <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	100
4	COD <sup>(*)</sup>	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9	150
5	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(*)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2023	<3	50
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
7	Tổng Photpho (tính theo P) <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,45	6
8	Tổng Nito <sup>(*)</sup>	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9	40
9	Tổng Phenol <sup>(*)</sup>	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	<0,0014	0,5
10	Tổng Xyanua (CN) <sup>(*)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-CN.C&E: 2023	KPH (MDL=0,003)	0,1
11	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> .B&D:2023	KPH (MDL=0,008)	0,5
12	Sắt (Fe)	mg/L	US EPA Method 6020B	<0,03	5
13	Mangan (Mn)	mg/L	US EPA Method 6020B	<0,003	1
14	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,015	0,1
15	Đồng (Cu)	mg/L	US EPA Method 6020B	<0,003	2
16	Kẽm (Zn)	mg/L	US EPA Method 6020B	0,118	3
17	Niken (Ni)	mg/L	US EPA Method 6020B	KPH (MDL=0,001)	0,5
18	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	10
19	Coliform <sup>(*)</sup>	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	350	5.000
20	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,012)	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

Số: 03794/2026/PKQ.26.2151

### Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- " < ": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (\*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Dương Thu Hiền

TRƯỞNG PHÒNG  
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 05 năm 2026



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH  
*Nguyễn Minh Quang*

